

I. LISTENING:**A. LISTEN AND DRAW LINES. THERE IS ONE EXAMPLE.****(YLE STARTERS – TEST 2 – PART 1)**

Katz English Centre

Địa chỉ: CS1: Xóm 4 – Thôn Quỳnh Đô – Xã Vĩnh Quỳnh – Huyện Thanh Trì – TP Hà Nội.

CS2: Đội 9 – Thôn Đại Áng – Xã Đại Áng – Huyện Thanh Trì – TP Hà Nội.

Số điện thoại: 0918.533.592 hoặc 0378.346.899

B. LISTEN AND WRITE.

Yes, she is. No, she isn't. Yes, he is. No, he isn't.



1. _____



2. _____



3. _____



4. _____

C. LISTEN AND CIRCLE.



1. Yes, they are.
No, they aren't.



2. Yes, they are.
No, they aren't.



3. Yes, they are.
No, they aren't.



4. Yes, they are.
No, they aren't.

Katz English Centre

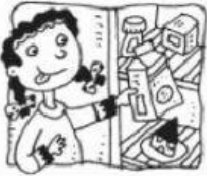
Địa chỉ: CS1: Xóm 4 – Thôn Quỳnh Đô – Xã Vĩnh Quỳnh – Huyện Thanh Trì – TP Hà Nội.

CS2: Đội 9 – Thôn Đại Áng – Xã Đại Áng – Huyện Thanh Trì – TP Hà Nội.

Số điện thoại: 0918.533.592 hoặc 0378.346.899

II. READING AND WRITING:

A. CIRCLE.

- | | | | |
|--|--|---|--|
| 1.  | (A) hungry
(B) thirsty
(C) sad
(D) bored | 2.  | (A) hungry
(B) thirsty
(C) tired
(D) sick |
| 3.  | (A) excited
(B) sick
(C) thirsty
(D) cold | 4.  | (A) sad
(B) happy
(C) thirsty
(D) hungry |
| 5.  | (A) cold
(B) sick
(C) hot
(D) hungry | 6.  | (A) sad
(B) tired
(C) happy
(D) hot |

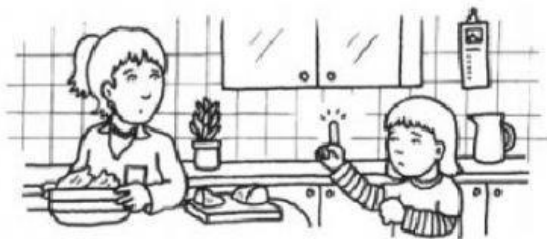
B. MATCH.

- | | |
|-------------|---------|
| 1. he is • | • she's |
| 2. she is • | • isn't |
| 3. is not • | • he's |

C. WRITE.

OK wrong think hurts Ouch Thanks

- _____
- What's _____
- My finger _____
- Are you _____
- I _____ so. _____



Katz English Centre

Địa chỉ: CS1: Xóm 4 – Thôn Quỳnh Đô – Xã Vĩnh Quỳnh – Huyện Thanh Trì – TP Hà Nội.

CS2: Đội 9 – Thôn Đại Áng – Xã Đại Áng – Huyện Thanh Trì – TP Hà Nội.

Số điện thoại: 0918.533.592 hoặc 0378.346.899

D. WRITE.

taste see dog car smell hear cat pizza touch ice cream

1.  What can he see? He can _____ a _____
2.  What can he smell? He can _____
3.  What can she touch? She can _____ a _____
4.  She can _____
5.  He can _____ a _____

E. CIRCLE.

- | | |
|--|---|
| <p>1. </p> <p>(A) home
(B) hospital
(C) school
(D) restaurant</p> | <p>2. </p> <p>(A) home
(B) hospital
(C) school
(D) restaurant</p> |
| <p>3. </p> <p>(A) home
(B) hospital
(C) school
(D) restaurant</p> | <p>4. </p> <p>(A) home
(B) hospital
(C) school
(D) restaurant</p> |

Katz English Centre

Địa chỉ: CS1: Xóm 4 – Thôn Quỳnh Đô – Xã Vĩnh Quỳnh – Huyện Thanh Trì – TP Hà Nội.

CS2: Đội 9 – Thôn Đại Áng – Xã Đại Áng – Huyện Thanh Trì – TP Hà Nội.

Số điện thoại: 0918.533.592 hoặc 0378.346.899

F. WRITE.

borrow
Here
careful
Thanks
Excuse
me



1. Look at _____

2. Be _____



3. _____ me.

May I _____ your phone?

4. Sure. _____ you are.

5. _____

G. MATCH.

1.



●
cook

2.



- soccer player

3.



pilot

4.



●
police officer

5.



•
doctor

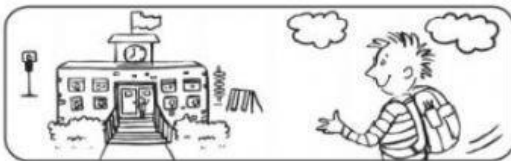
6.



•
teacher

H. WRITE.

restaurant She's school hospital He's home



1. Where's the student?

_____ at _____



2. Where's the pilot?

_____ at the _____



3. Where's the doctor?

_____ at the _____



4. Where's the cook?

_____ at _____

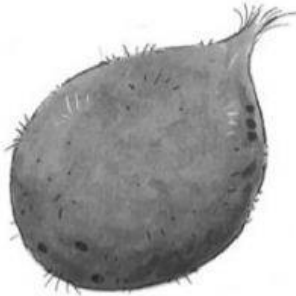
Katz English Centre

Địa chỉ: CS1: Xóm 4 – Thôn Quỳnh Đô – Xã Vĩnh Quỳnh – Huyện Thanh Trì – TP Hà Nội.

CS2: Đội 9 – Thôn Đại Áng – Xã Đại Áng – Huyện Thanh Trì – TP Hà Nội.

Số điện thoại: 0918.533.592 hoặc 0378.346.899

J. LOOK AND READ. PUT A TICK () OR A CROSS (X) IN THE BOX. THERE ARE TWO EXAMPLES. (YLE MOVERS – TEST 2 – PART 1)

Examples

This is a coconut.



This is a picture.

**Questions****1**

This is a clock.



Katz English Centre

Địa chỉ: CS1: Xóm 4 – Thôn Quỳnh Đô – Xã Vĩnh Quỳnh – Huyện Thanh Trì – TP Hà Nội.

CS2: Đội 9 – Thôn Đại Áng – Xã Đại Áng – Huyện Thanh Trì – TP Hà Nội.

Số điện thoại: 0918.533.592 hoặc 0378.346.899

2



This is a potato.

☐

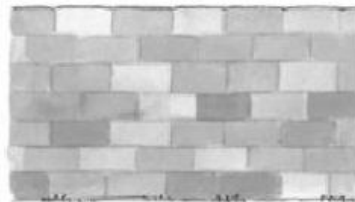
3



This is a bed.

☐

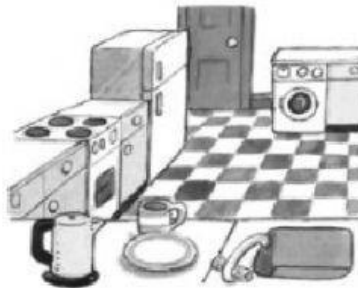
4



This is a window.

☐

5



This is a dining room.

☐

Katz English Centre

Địa chỉ: CS1: Xóm 4 – Thôn Quỳnh Đô – Xã Vĩnh Quỳnh – Huyện Thanh Trì – TP Hà Nội.

CS2: Đội 9 – Thôn Đại Áng – Xã Đại Áng – Huyện Thanh Trì – TP Hà Nội.

Số điện thoại: 0918.533.592 hoặc 0378.346.899